TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KONTUM
TỈNH KONTUM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 58 /2017/HNGĐ-ST.
Ngày: 12-12-2017.
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Bà Nguyễn Thị Sương.

2. Bà Chế Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Trọng Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

Ngày 12 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 366/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp *"Xin ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đặng Thị Kim T, sinh năm 1989. Có mặt.

Địa chỉ: 36/10 Trần Nhân T, phường Quang T, thành phố K, tỉnh K.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1982. Có mặt.

Địa chỉ: 36 Huỳnh Đăng T, phường Quang T, thành phố K, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/8/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn, chị Đặng Thị Kim T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Kim T và anh Nguyễn Văn C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2013, đến ngày 29/4/2014 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Quang T, thành phố K, tỉnh K. Sau khi kết hôn được một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không đồng quan điểm sống, anh C không quan tâm đến gia đình, vợ con nên anh chị thường xuyên mâu thuẫn, xúc phạm nhau. Tháng 4/2015 đưa con về nhà cha mẹ ruột sinh sống, đến tháng 4/2016 chị nộp đơn khởi kiện xin ly hôn anh C, Tòa án tiến hành hòa giải chị T rút đơn về đoàn tụ. Tuy nhiên mâu thuẫn vợ

chồng vẫn không thay đổi mà trầm trọng hơn. Sự việc xảy ra nhiều năm liền, gia đình, người thân và bạn bè phân tích, khuyên giải nhưng anh chị không tìm được tiếng nói chung. Nay chị T không còn tình cảm với anh C, vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị được ly hôn.

Về con chung: Có 01 con Nguyễn Trúc Diễm Q, sinh ngày 30/4/2014. Ly hôn nguyện vọng của chị được nuôi con và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ tháng 12/2017 đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại bản tự khai đề ngày ngày 11/9/2017 và trong quá trình giải quyết anh Nguyễn Văn C trình bày:**

Về thời gian sống chung và đăng ký kết hôn anh C công nhận đúng như chị Thư trình bày. Riêng về nguyên nhân mâu thuẫn anh C khai rằng: Trước kia anh công nhận có ham chơi, không quan tâm đến gia đình nên đã làm tổn thương vợ con, thời gian gần đây anh tu chí làm ăn và lo cho gia đình nhưng chị T không nhận mà nghe tác động từ gia đình, sau đó đưa con về nhà cha mẹ sinh sống, anh có gặp xin lỗi và hứa hẹn khắc phục sai lầm nhưng chị T vẫn kiên quyết xin ly hôn. Anh không đồng ý ly hôn vì anh còn thương yêu vợ con, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật

Về con chung: Có 01 con như chị T trình bày, nếu Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn thì anh có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Kim T và anh Nguyễn Văn C tự nguyện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Quang T, thành phố K, tỉnh Kon T vào ngày 29/04/2014 theo đúng quy định của pháp luật, không vi phạm điều kiện kết hôn. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh C là hôn nhân hợp pháp.

[2] Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị T trình bày là do: *anh chị không đồng quan điểm sống, anh C không quan tâm đến gia đình.* Anh C *công nhận trước kia có ham chơi nhưng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do chị T nghe tác động từ gia đình.*

Xét thấy: Mâu thuẫn giữa anh Nguyễn Văn C và chị Đặng Thị Kim T xảy ra liên tục từ nhiều năm nay. Gia đình hai bên và người thân, bạn bè đã khuyên

giải; anh chị cũng đã khắc phục mâu thuẫn từ mỗi lần chị T dọn ra ở riêng và sau khi chị T rút đơn khởi kiện xin ly hôn quay về đoàn tụ nhưng đến nay anh chị vẫn không tìm được tiếng nói chung. Quá trình giải quyết vụ án anh C thừa nhận "*trước kia do ham chơi không lo cho gia đình nên làm tổn thương vợ con*" và "*mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng*". Tại phiên tòa, anh chị công nhận từ tháng 6/2017 đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm chăm sóc đến nhau nữa; chị T khẳng định không còn tình cảm với anh C và tha thiết xin được ly hôn. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh C đã đến mức trầm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Đặng Thị Kim T.

[3] Về con chung: Chị T và anh C đều có nguyện vọng nuôi con và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng. Xét thấy: Cháu Nguyễn Trúc Diễm Q còn nhỏ, từ trước đến nay (kể cả trong thời gian mâu thuẫn cháu vẫn ở với chị T), chị T và anh C đều có công việc, nơi ở và thu nhập ổn định, có khả năng nuôi dưỡng chăm sóc con, tuy nhiên cháu Nguyễn Trúc Diễm Q là con gái nên cần được ở bên cạnh chị T sẽ phù hợp với tâm sinh lý phát triển bình thường của cháu. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, giao cháu Nguyễn Trúc Diễm Q cho chị Đặng Thị Kim T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh C đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ tháng 12/2017 đến khi con đủ 18 tuổi như chị T yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Anh C và chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Về án phí: Chị Đặng Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Kim T về việc*"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con''*, đơn đề ngày 10/8/2017.

Áp dụng Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đặng Thị Kim T được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

- *Về con chung*: Giao con chung Nguyễn Trúc Diễm Q, sinh ngày 30/4/2014 cho chị Đặng Thị Kim T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Nguyễn Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăn nghìn đồng*) kể từ tháng 12/2017 đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn C được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Căn cứ khoản 2 Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Việc cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, nghị nghị.

Kể từ ngày chị Đặng Thị Kim T có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con nêu trên mà anh Nguyễn Văn C chưa thi hành đủ thì hàng tháng phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Đặng Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền số 0000751 ngày 21-8-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum. Chị T đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Văn C phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12-12-2017), các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự..

Nơi nhận: **T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND Tỉnh K;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND Thành phố K;
- Chi cục THA dân sự Thành phố K;
- UBND P Quang Trung, TP K;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà